

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Địa chỉ: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

Tel: 02462928994

Fax: 02462828818

Website: www.toponejsc.com



TOP ONE

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2019

Nam Định, ngày 08 tháng 04 năm 2020

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**
- Tên giao dịch viết tắt: **Top One JSC**
- Nhãn hiệu thương mại:



- Trụ sở chính của Công ty:
 - Địa chỉ: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
 - Điện thoại: 024 6292 8994 Fax: 024 6282 8818
 - Website: toponejsc.com
 - Vốn điều lệ: **253.500.000.000** (Hai trăm năm mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng.)
2. Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn, bán lẻ các mặt hàng tiêu dùng, xây dựng, thiết bị y tế

3. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Phân phối Top One được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 03 năm 2013 theo Giấy chứng nhận số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ ban đầu thành lập Công ty là 3 tỷ đồng. Để nâng cao năng lực tài chính, đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh vào khu công nghiệp Vững Áng, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 39 tỷ đồng vào đầu năm 2018.

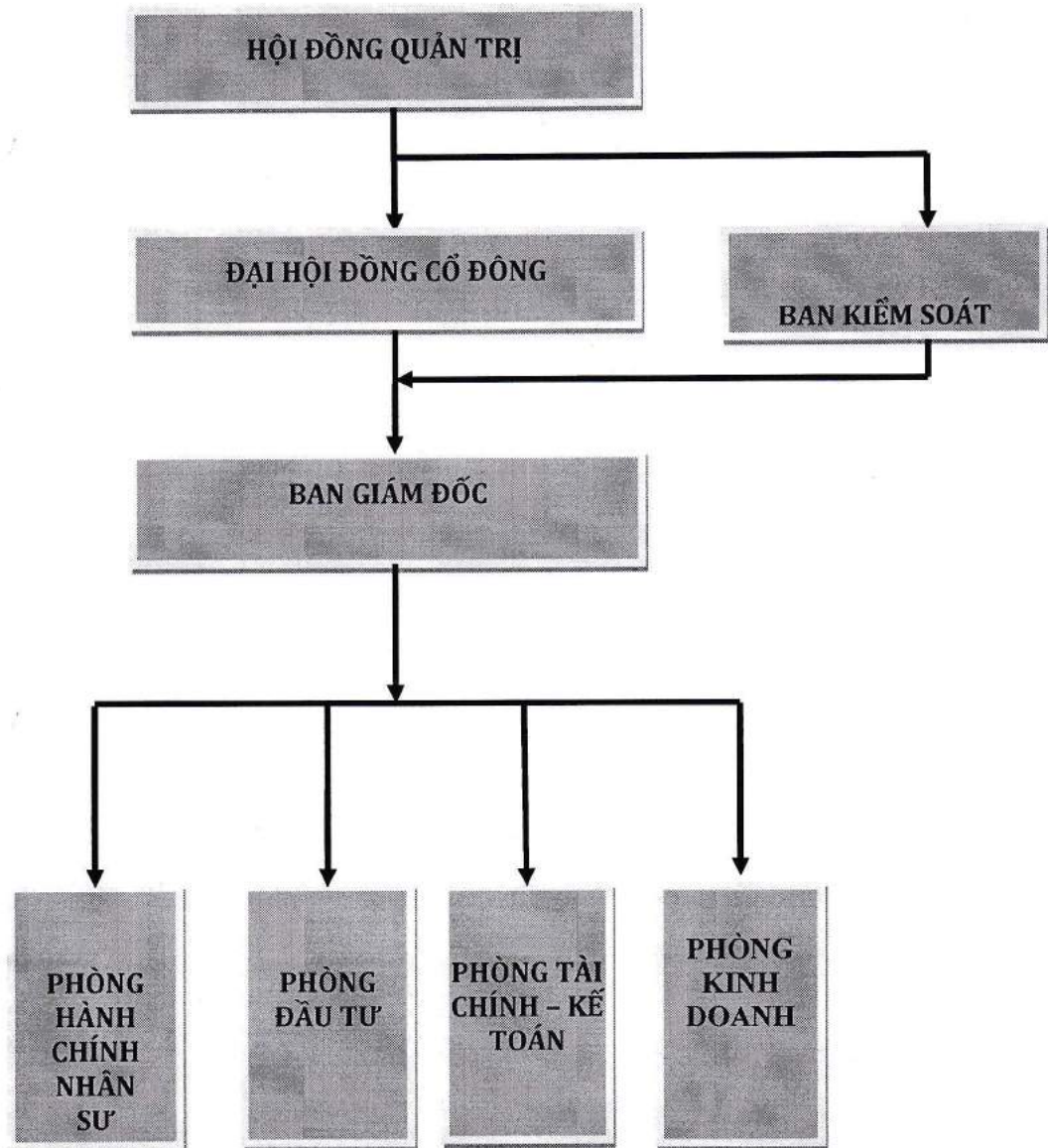
Ngày 03/06/2018, Công ty đã hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN theo công văn số 2782/UBCK-QLPH của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Các mốc sự kiện quan trọng.

- Thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 03 năm 2013 theo Giấy chứng nhận số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ ban đầu thành lập Công ty là 3 tỷ đồng.
- Giai đoạn 2013-2014, Công ty chủ yếu phân phối sản phẩm trên địa bàn Hà Nội,

- thông qua các đại lý cấp 2, các cửa hàng bán lẻ.
- Bắt đầu từ cuối năm 2014, ngoài phân phối sản phẩm trên địa bàn Hà Nội, Công ty phân phối sản phẩm tại Quảng Ninh thông qua đại lý là Công ty TNHH Nhật Linh — Móng Cái.
 - Thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 03 năm 2013 theo Giấy chứng nhận số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ ban đầu thành lập Công ty là 3 tỷ đồng.
 - Giai đoạn 2013-2014, Công ty chủ yếu phân phối sản phẩm trên địa bàn Hà Nội, thông qua các đại lý cấp 2, các cửa hàng bán lẻ.
 - Bắt đầu từ cuối năm 2014, ngoài phân phối sản phẩm trên địa bàn Hà Nội, Công ty phân phối sản phẩm tại Quảng Ninh thông qua đại lý là Công ty TNHH Nhật Linh — Móng Cái.
 - Năm 2015 tăng vốn điều lệ lên 39 tỷ đồng vào đầu năm 2015.
 - Năm 2016 Tăng vốn điều lệ lên 253,5 tỷ đồng.

4. Cơ cấu tổ chức Công ty



4.1. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị:

HDQT là tổ chức quản lý của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch HDQT, 02 (hai) ủy viên HDQT với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. HDQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HDQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HDQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban kiểm soát:

Số lượng thành viên BKS là 03 (ba) thành viên. BKS là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Nhiệm kỳ là 5 năm do ĐHĐCĐ bầu.

Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc của công ty gồm có 01 (một) Giám đốc và 02 (hai) Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

- Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HDQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quản lý và điều hành các hoạt động, các công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

- Tuyển dụng và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Các phòng ban chức năng:

Phòng Hành chính Tổng hợp.

a. Công tác đào tạo, tuyển dụng, kỷ luật lao động:

- Lập kế hoạch đào tạo, tuyển dụng và kỷ luật lao động theo kế hoạch sản xuất hàng năm và theo định hướng phát triển của Công ty.
- Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ
- Tuyển dụng lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn phát triển của Công ty.

b. Công tác tổ chức, công tác cán bộ:

- Tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý, điều hành của bộ máy từ Công ty và các đơn vị trực thuộc theo thẩm quyền, chuẩn bị việc thành lập các hội đồng, ban, đoàn và tổ chức công tác.
- Nghiên cứu xây dựng, đề xuất, phương án tổ chức sản xuất từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc.
- Theo dõi, báo cáo thống kê và phân loại lao động và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện phân loại lao động.
- Lập kế hoạch sử dụng nhân lực hàng năm.

c. Công tác Lao động tiền lương và chính sách đối với người lao động:

- Đề xuất, nghiên cứu chế độ tiền lương, chế độ tiền thưởng áp dụng trong Công ty phù hợp với chế độ chính sách của Công ty và của Nhà nước.
- Thực hiện chế độ BHXH, Bảo hiểm y tế các chế độ khác về Bảo hiểm đối với người lao động.

Phòng Tài chính Kế toán:

- Xây dựng và thực hiện các kế hoạch tài chính ngắn hạn và dài hạn.
- Lập dự toán, tổ chức công tác kế toán, báo cáo quyết toán chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Thực hiện việc chi trả lương, các khoản phụ cấp và các chế độ khác cho CB CNV toàn Công ty.

- Phối hợp với các phòng ban chức năng liên quan tổ chức quản lý thực hiện có hiệu quả nguồn lực tài chính, tài sản của Công ty.
- Thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo về hoạt động tài chính theo đúng chế độ kế toán. Bảo quản, lưu trữ, các chứng từ kế toán theo quy định.

Phòng Đầu tư:

- Xây dựng và trình duyệt định hướng chiến lược phát triển đầu tư, kế hoạch đầu tư ngắn hạn, dài hạn và kế hoạch đầu tư hàng tháng/quý/năm của Công ty.
- Kiểm tra, trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt/thông qua định hướng chiến lược phát triển đầu tư, kế hoạch đầu tư ngắn hạn, dài hạn và kế hoạch đầu tư hàng tháng/quý/năm của các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Chủ trì tổng hợp báo cáo, phân tích đánh giá về công tác đầu tư, tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư và triển khai các dự án của Công ty, định kỳ hàng tháng/quý/năm theo quy định hiện hành của Pháp luật và của Công ty.
- Quản lý, kiểm tra, theo dõi hoạt động đầu tư của Công ty, đảm bảo thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về lĩnh vực đầu tư.
- Thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư các dự án của Công ty theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Phối hợp với các phòng chức năng của Công ty tổ chức thực hiện các dự án đầu tư sau khi được phê duyệt.
- Thẩm định, trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt/thông qua các Dự án đầu tư của Công ty.

Phòng Kinh doanh:

- Giúp Giám đốc Công ty trong việc quản lý, điều hành công tác kinh doanh các sản phẩm của Công ty.
- Thực hiện các hoạt động kinh doanh nhằm đạt được các chỉ tiêu doanh số đề ra.
- Xây dựng và phát triển hệ thống phân phối, khai thác, tìm kiếm khách hàng, đàm phán và ký kết hợp đồng.
- Đề xuất và triển khai các chương trình kinh doanh theo định hướng chiến lược của Công ty.
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- Đề xuất các giải pháp nhằm duy trì và thúc đẩy hoạt động kinh doanh.
- Phối hợp với phòng nhân sự trong công tác tuyển dụng và đào tạo nhân viên phòng kinh doanh.

4.2. Định hướng phát triển của Công ty

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Trên cơ sở triển vọng phát triển ngành, Công ty đón đầu cơ hội và có kế hoạch vượt qua thách thức để Xây dựng Công ty Cổ phần Phân phối Top One phát triển một cách toàn diện, bền vững trở thành Công ty mạnh trong lĩnh vực phân phối. Lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh làm thước đo cho sự tăng trưởng bền vững.
- Không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo lợi nhuận tăng dần hàng năm, cải thiện đời sống người lao động và mức thu nhập ổn định của người lao động.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Xây dựng và từng bước phát triển Công ty Cổ phần Phân phối Top One trở thành một doanh nghiệp ổn định, bền vững, một trong những công ty có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường trong nước.
- Xây dựng Công ty Cổ phần Phân phối Top One là Công ty phân phối có uy tín cao trên thị trường sẽ cung ứng cho thị trường những sản phẩm và dịch vụ có chất lượng, độ tin cậy cao và đạt tiêu chuẩn.
- Duy trì và mở rộng hoạt động phân phối các sản phẩm truyền thống. Phân phối sản phẩm của Công ty tại tỉnh Hòa Bình, Hưng Yên, Hải Phòng, Nam Định.
- Liên kết kinh doanh hệ thống phân phối tới các cửa hàng bán lẻ khu vực Hà Nội và các tỉnh miền bắc

Các mục tiêu phát triển bền vững

- Thương hiệu của Công ty gắn liền với thương hiệu của một đơn vị phân phối bán lẻ đảm bảo chất lượng, cung ứng đầy đủ, kịp thời, đã và đang được Công ty thực hiện và đặt nền móng, niềm tin với các khách hàng là cá nhân, tổ chức, với phương châm “Phát huy thế mạnh; Chung sức chung lòng; Đổi mới quyết liệt; Tranh thủ thời cơ; Vượt qua thử thách; Tăng tốc phát triển” cùng mục tiêu mở rộng và phát triển thị trường để tìm kiếm các hợp đồng mới có giá trị, phát triển các hoạt động kinh doanh.
- Tham gia vào các hoạt động từ thiện, quyên góp các quỹ phúc lợi xã hội...

5. Các rủi ro

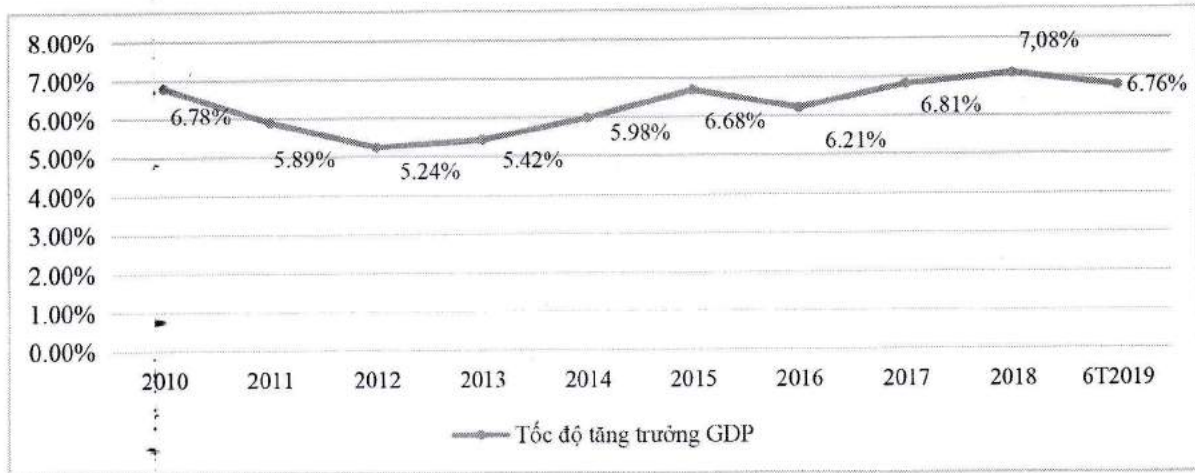
Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng

Công ty Cổ phần Phân phối Top One 8

kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... Các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm 2000 – 2019



Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, Asian Development Bank

Việt Nam được đánh giá là một trong những nước đang phát triển có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định trong nhiều năm. Theo số liệu thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam bình quân thời kỳ 2006 - 2010 là: 7,01%/năm, thời kỳ 2010 – 2015 khoảng 5,91%/năm. Dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam trong 05 năm tới sẽ ở mức 6,3%, nền kinh tế được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng tốt bởi hàng loạt yếu tố như trợ giá hàng hóa thấp, lực đẩy từ các doanh nghiệp FDI cùng với các cải cách về thể chế của nền kinh tế.

Theo thống kê của Tổng cục Thống kê, mức tăng trưởng năm 2016 tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận lợi, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công, khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, hiệu quả của các biện pháp, giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng thực hiện. Tăng trưởng GDP Việt Nam có dấu hiệu chững lại trong nửa đầu năm 2018 do khó khăn của khu vực khai khoáng trước khi phục hồi ngoạn mục vào nửa cuối năm nhờ động lực của khu vực chế biến chế tạo. Mức tăng GDP 2018 vượt mức kế hoạch đề ra, đạt 6,81%. Trong năm 2018, tăng trưởng GDP của Việt Nam vẫn tiếp tục sáng sủa nhờ tiêu dùng và đầu tư nội địa tiếp

tục tăng cộng thêm dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài khả quan. Mức tăng GDP 2019 đạt mức 7,08% cao nhất từ năm 2008. Năm 2019, mức tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 7,02%.

Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất xảy ra khi chi phí lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay. Lãi suất huy động 12 tháng bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 6,4%-7,2%/năm. Mặt bằng lãi suất trong năm 2019 giảm nhẹ, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa đối với các nhu cầu vốn phục vụ nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, DN nhỏ và vừa, DN ứng dụng công nghệ cao cũng giảm từ 6,5%/năm xuống 6,0%/năm. Riêng lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VNĐ của quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô đối với các nhu cầu vốn này giảm từ 7,5%/năm xuống 7,0%/năm. Về tổng thể, mặt bằng lãi suất huy động trong 2019 được giữ ổn định so với cuối năm trước đó.

Tính đến thời điểm 31/12/2019, Công ty không có khoản vay trung và dài hạn đối với bất kỳ tổ chức tín dụng nào. Vì vậy rủi ro lãi suất của Công ty được đánh giá là không ảnh hưởng nhiều.

Rủi ro chính sách và pháp luật

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng... Sự thay đổi của Luật, các văn bản dưới luật và biến động của thị trường chứng khoán ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn theo dõi, cập nhật thường xuyên các văn bản Luật và dưới luật, phổ biến rộng rãi những quy định, văn bản liên quan tới Cán bộ công nhân viên toàn công ty.

Rủi ro đặc thù

Công ty hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ nên có những rủi ro về cháy nổ, rủi ro về thất thoát tài sản, rủi ro về tai nạn lao động, tai nạn nghề nghiệp. Nhằm hạn chế tối thiểu những rủi ro này, Công ty đã mua bảo hiểm phòng chống cháy nổ đối với hàng hoá tồn kho, tài sản và tiền mặt tồn quỹ của công ty. Đối với người lao động, Công ty đã thực hiện việc mua bảo hiểm lao động cho công nhân.

Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty.

Để hạn chế tối đa rủi ro thiệt hại, Công ty thường xuyên tổ chức tập huấn công tác đảm bảo toàn vệ sinh, phòng chống cháy nổ...

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Hoạt động phân phối

▪ Hàng hóa phân phối:

- Công ty là đại lý cấp 1 của phân phối các sản phẩm của Công ty cổ phần nước giải khát Tribeco, Công ty Cà phê Trung Nguyên, Công ty Cổ phần chè Kim Anh, phân phối sản phẩm bánh Leibiniz được nhập khẩu Từ Công ty TNHH TM & DV Liên Minh, Mì ăn liền 3 miền, hóa mỹ phẩm của Johnson&Johnson.
- Năm 2018, Công ty bắt đầu phân phối sản phẩm thịt bò Úc
- Bắt đầu từ năm 2018, Công ty phân phối thêm các sản phẩm thiết bị y tế, vật liệu xây dựng.
- Bước sang năm 2019, hoạt động phân phối của Công ty ngày càng khó khăn trong việc phân phối hàng hóa tiêu dùng theo phương thức truyền thống do sự gia nhập của các nhà tổ chức lớn trong và ngoài nước tại lĩnh vực phân phối gia nhập thị trường như Vinmart, Coopmart, Tmart, Big C.... Do vậy trong năm Công ty thu hẹp dần hoạt động phân phối, chỉ phân phối những mặt hàng ít biến động về giá mặc dù biên lợi nhuận không cao, và cung cấp cho một số khách hàng truyền thống thanh toán đúng hạn.

▪ Địa bàn phân phối

- Mở rộng phân phối toàn miền bắc, đối với mặt hàng bò Úc công ty từng bước phân phối tại các đại lý lớn và nhà hàng lớn tại Hà Nội và hệ thống các siêu thị Hệ thống siêu thị Thành Đô, Hệ thống siêu thị T-MAX, Hệ thống siêu thị Lan Chi, Nhật Linh - Móng Cái, Tuấn Linh – Phúc Hải.sản phẩm thiết bị y tế, vật liệu xây dựng cung cấp cho các chủ dự án lớn.

1.2. Lĩnh vực đầu tư

Năm 2019, Công ty Thoái toàn bộ phần vốn sở hữu của Công ty tại công ty cổ phần chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà, toàn bộ phần vốn thoái được đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm Nông Sản Thực Phẩm Hà Giang – Đơn vị đang triển khai dự án trồng rừng kết hợp chăn nuôi động vật dưới tán rừng.

2. Kết quả hoạt động tài chính của Cổ phần Top one trong niên khóa 2019 như sau:

Đơn vị tính: đồng

T T	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với Kế hoạch (%)
1	Tổng doanh thu	90.000.000.000	31.525.182.857	35,5%
2	Vốn điều lệ	253.500.000.000	253.500.000.000	100%
3	Lợi nhuận trước thuế	400.000.000	(2.782.404.054)	-
4	Lợi nhuận sau thuế	320.000.000	(2.790.741.235)	-
5	Cổ tức	0%	0%	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2019)

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Trong năm 2019, tổng doanh thu của Công ty đạt 31,525 tỷ - tương đương 35,5% so với kế hoạch đặt ra. Trong đó, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt là -2,78 tỷ đồng và -2,79 tỷ đồng không đạt được như kế hoạch đặt ra.

3. Tổ chức và nhân sự

Danh sách ban điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	
1	Ông Nguyễn Hữu Khả	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đỗ Xuân Long	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Thế Trịnh	Thành viên HĐQT
II	Ban Kiểm soát	
1	Vũ Văn Hưng	Trưởng BKS

2	Phạm Cao Cường	Thành viên BKS
3	Nguyễn Thị Nhị Hương	Thành viên BKS
III	Ban Giám đốc	
1	Ông Nguyễn Thế Trịnh	Giám đốc
2	Bà Vũ Thị Lan Hương	Phó Giám đốc
3	Ông Vũ Hồng Quang	Phó Giám đốc
IV	Kế toán trưởng	
1	Bà Nguyễn Thị Kim Thành	Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

3.1.1. Ông: Nguyễn Hữu Khá – Chủ tịch HĐQT

Giới tính	Nam	Nơi sinh	Hà Nội
Ngày tháng năm sinh	03/01/1988	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Nội	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	001088017114		
Địa chỉ thường trú	Cộng Hòa, Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
- Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty	Chủ tịch HĐQT		
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức kinh tế khác:	Không		

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 0 Cổ phiếu

3.1.2. Ông: Đỗ Xuân Long – Thành viên HĐQT

Giới tính	Nam	Nơi sinh	
Ngày tháng năm sinh	21/10/1981	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thanh Hóa	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	013649272		
Địa chỉ thường trú	Thôn Ninh Cầm, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội		

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế

- Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty: Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức kinh tế khác: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần

3.1.3. Ông: Nguyễn Thế Trịnh – Thành viên HĐQT

Giới tính Nam Nơi sinh Hà Nội

Ngày tháng năm sinh 06/08/1978 Dân tộc Kinh

Quê quán Hà Nội Quốc tịch Việt Nam

Số CMND 001078003799

Địa chỉ thường trú Tổ dân phố Hoà Bình, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế

- Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty: Giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức kinh tế khác: Không

- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 0 cổ phần

3.2. Ban Giám Đốc

3.2.1. Ông: Nguyễn Thế Trịnh – như trên

3.2.2. Bà: Vũ Thị Lan Hương – Phó Giám đốc

Giới tính Nữ Nơi sinh Hải Phòng

Ngày tháng năm sinh 02/01/1979 Dân tộc Kinh

Quê quán Hải Phòng Quốc tịch Việt Nam

Số CMND 031111526

Địa chỉ thường trú số nhà 32, An Lạc 5, Sở Dầu. Hồng Bàng Hải phòng

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ

- Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty: Phó Giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức kinh tế khác: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 5.000 cổ phần

3.2.3. Ông: Vũ Hồng Quang – Phó Giám đốc

Giới tính	Nam	Nơi sinh	
Ngày tháng năm sinh	03/05/1970	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Nội	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	012239936		
Địa chỉ thường trú	số 105-E11, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, HN		

Trình độ chuyên môn

- Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty: Phó Giám đốc
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức kinh tế khác: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 24.000 cổ phần

3.3. Ban Kiểm soát

3.3.1. Ông: Vũ Văn Hưng - Trưởng Ban

Giới tính	Nam	Nơi sinh	
Ngày tháng năm sinh	18/06/1978	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Nội	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	013463369		
Địa chỉ thường trú	52 Phan Đình Phùng - Ba Đình - Hà Nội		

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế

- Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty: Trưởng ban Kiểm soát
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức kinh tế khác: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần

3.3.2. Ông Phạm Cao Cường – Thành viên

Giới tính	Nam	Nơi sinh: Thái Bình	
Ngày tháng năm sinh	04/04/1981	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thái Bình	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	034181000489		

Địa chỉ thường trú Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Thái Bình
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty: Thành viên ban Kiểm soát
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 5,500 cổ phần

3.3.3. Bà Nguyễn Thị Nhị Hương – Thành viên

Giới tính Nữ Nơi sinh
Ngày tháng năm sinh 16/08/1984 Dân tộc Kinh
Quê quán Nam Định Quốc tịch Việt Nam
Số CMND 162511721
Địa chỉ thường trú Xóm 7, xã Hải Ninh, Huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty Thành viên ban Kiểm soát
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần

3.4. Kế toán trưởng

Bà: Nguyễn Thị Kim Thành

Giới tính Nữ Nơi sinh: Nam Định
Ngày tháng năm sinh 24/07/1979 Dân tộc Kinh
Quê quán Nam Định Quốc tịch Việt Nam
Số CMND 013341892
Địa chỉ thường trú 59 tổ 28 Trại Nhãn, Ô chợ Dừa, Đông Đa, Hà Nội
Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay trong Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức kinh tế khác: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 Cổ phần

4. Những thay đổi trong ban điều hành

Ngày 27/04/2019, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty có sự thay đổi về mặt nhân sự, thông qua việc giảm số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 05 thành viên xuống 03 thành viên:

- Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Ông Đinh Văn Tạo;
- Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Phạm Xuân Thủy và Bà Mai Thị Tươi;
- Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Ông Nguyễn Hữu Khá.

5. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Trong năm Công ty thoái toàn bộ phần vốn sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà, toàn bộ phần vốn thoái được đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm Nông Sản Thực Phẩm Hà Giang – Đơn vị đang triển khai dự án trồng rừng kết hợp chăn nuôi động vật dưới tán rừng.

6. Tình hình tài chính

6.1. Tình hình tài chính

Chỉ Tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	265.869.714.165	262.843.301.781	-
Doanh thu thuần	67.972.280.409	31.525.182.857	-
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	376.790.286	(2.781.307.672)	-
Lợi nhuận khác	(15.715.376)	(1.096.382)	-
Lợi nhuận trước thuế	361.074.910	(2.782.404.054)	-
Lợi nhuận sau thuế	284.437.615	(2.790.741.235)	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	11	(113)	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2019)

Biến động doanh thu, lợi nhuận năm 2019 so với năm 2018

Tổng doanh thu của Công ty đạt 31,525 tỷ đồng đạt 35,5% so với kế hoạch đặt ra. Trong đó, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt là -2,78 tỷ đồng và -2,79 tỷ đồng không đạt kế hoạch đặt ra.

6.2. Các chỉ tiêu khác:

Một số chỉ tiêu tài chính tổng hợp

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
- Hệ số thanh toán hiện hành: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	19,26	4,16
- Hệ số thanh toán nhanh: [(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	17,87	3,30
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	4,117	0,04
- Nợ phải trả/vốn CSH	%	4,35	0,04
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
- Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho BQ)	Lần	4,16	2,65
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	25,56	12,0
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
- LN sau thuế / Doanh thu thuần	%	0,41	(8,85)
- LN sau thuế /Vốn đầu tư chủ sở hữu	%	0,11	(1,10)
- LN sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,11	(1,06)
- LN hoạt động kinh doanh/DTT	%	0,55	(8,82)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Nội dung	Số lượng
1	Số lượng cổ phần đang lưu hành	25.350.000
2	Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	25.350.000

3	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0
	Tổng số	25.350.000

Cơ cấu cổ đông công ty 10/03/2020

Cơ cấu cổ đông	Cổ phần tương ứng	Giá trị (VND)	Tỷ lệ/VBL thực góp	Tổng Cộng	
				Cổ đông trong nước	Cổ đông là cả nhân
1	24.528.300	245.283.000.000	96,76%	Cổ đông là tổ chức	350.500
				Cổ đông là cả nhân	24.177.800
2	821.700	8.217.000.000	3,24%	Cổ đông là tổ chức	0
				Cổ đông là cả nhân	821.700
				Cổ đông là cả nhân	8.217.000.000
				Cổ đông là tổ chức	0
				Cổ đông là cả nhân	8.217.000.000
				Cổ đông là cả nhân	253.500.000.000
				Cổ đông là tổ chức	0
				Cổ đông là cả nhân	25.350.000

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% Vốn điều lệ:

1	Tên cổ đông	Cổ phần tương ứng	Giá trị (VND)	Tỷ lệ/VBL thực góp
---	-------------	-------------------	---------------	--------------------

III. BẢO CẢO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Hoạt động phân phối: Hoạt động phân phối của Công ty ngày càng khó khăn do sự gia nhập của các nhà tổ chức lớn trong và ngoài nước tại lĩnh vực phân phối gia nhập thị trường như Vinmart, Coopmart, Tmart, Big C.... Đây là những tập đoàn lớn nên đầu tư quy mô, chuỗi hệ thống mạng lưới khắp cả nước, quy mô vốn lớn nên có chính sách cạnh tranh đối với nhà cung cấp, do vậy đối với những đơn vị nhỏ như Công ty việc phân phối hàng hóa tiêu dùng theo phương thức truyền thống gặp nhiều khó khăn. Do vậy trong năm Công ty thu hẹp dần hoạt động phân phối, chỉ phân phối những mặt hàng ít biến động về giá mà dù biến lợi nhuận không cao, và cung cấp cho một số khách hàng truyền thống thanh toán dùng hạn. Song song

với đó Công ty dần dịch chuyển hoạt động đầu tư sang dự án trồng cây kết hợp chăn nuôi tại Hà Giang. Trong khi biên lợi nhuận từ hoạt động thương mại trong năm thấp, chi phí quản lý doanh nghiệp và xúc tiến cho dự án mới tăng cao, do vậy trong năm 2019 tổng doanh thu của Công ty đạt 31,525 tỷ đồng đạt 35,5% so với kế hoạch đặt ra. Trong đó, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt là -2,78 tỷ đồng và -2,79 tỷ đồng không đạt kế hoạch đặt ra.

- Hoạt động đầu tư: Trong năm Công ty Thoái toàn bộ phần vốn sở hữu của Công ty tại công ty cổ phần chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà, toàn bộ phần vốn thoái được đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm Nông Sản Thực Phẩm Hà Giang – Đơn vị đang triển khai dự án trồng rừng kết hợp chăn nuôi động vật dưới tán rừng.

Nhìn chung năm 2019 là một năm đầy khó khăn và thách thức với Công ty khi gặp nhiều biến động lớn của thị trường. Mặc dù chưa đạt được lợi nhuận như kế hoạch đề ra, nhưng Công ty đã phát triển thêm được những hoạt động mới hứa hẹn nhiều tiềm năng phát triển trong thời gian tới.

2. Những tiên bộ công ty đã đạt được

Trong các năm qua, Công ty Cổ phần Phân phối Top One không ngừng đưa ra cách phân phối bán hàng phù hợp với xu thế của thị trường.

Nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới, hình thức bán hàng, hình thức phân phối qua các trang mạng xã hội để đẩy mạnh doanh số bán hàng.

Nghiên cứu các sản phẩm khách hàng có nhu cầu tiêu dùng cao và tiếp cận với đơn vị sản xuất để trở thành đại lý phân phối cấp 1.

Mở rộng phân phối các mặt hàng trong lĩnh vực vật liệu xây dựng và thiết bị y tế.

Công ty Cổ phần Phân phối Top One xác định đảm bảo chất lượng sản phẩm cung cấp cho khách hàng theo các tiêu chuẩn quy định là mục tiêu hàng đầu và là điều kiện tiên quyết để Công ty tồn tại và phát triển. Do đó, công tác Công ty đã hoàn thiện chính sách chất lượng theo những chương trình hoạt động cụ thể sau:

- Không ngừng nâng cao kiểm tra chất lượng sản phẩm cung cấp trước khi bàn giao tới khách hàng.
- Đảm bảo thực hiện tốt công tác đào tạo đội ngũ nhân viên, để nhân viên có đủ năng lực và kỹ năng cần thiết nhằm thực hiện tốt công việc được giao.
- Công ty luôn tìm kiếm cơ hội cải tiến chất lượng dịch vụ cung ứng, hướng đến các tiêu chí: an toàn, chính xác và hiệu quả.

3. Tình hình tài chính**a) Tình hình tài sản****Biến động tài sản của Công ty**

Đơn vị tính: triệu đồng

TÀI SẢN	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	213.524	39.887	(81,32)
Tài sản dài hạn	52.345	222.956	325,94
Tổng tài sản	265.869	262.843	(1,14)

b) Tình hình biến động nguồn vốn

Đơn vị: Triệu đồng

NGUỒN VỐN	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng/giảm
Nợ phải trả	11.088	9.577	(13,63)
Vốn Chủ sở hữu	254.781	253.266	(0,59)
Vốn đầu tư của CSH	253.500	253.500	0
Tổng cộng nguồn vốn	265.869	262.843	(1,14)

Tổng quy mô tài sản của Công ty tổng tài sản và nguồn vốn Công ty giảm nhẹ so với năm 2018

c) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	31/12/2018	31/12/2019
I	Các khoản nợ phải trả	11.087.890.131	9.576.965.220
1	Nợ ngắn hạn	11.087.890.131	9.576.965.220
	- Phải trả người bán	4.491.690.912	2.540.825.632
	- Người mua trả tiền trước	250.000.000	-
	- Thuế và các khoản phải nộp NN	26.675.552	838.514.588

	- Phải trả người lao động	-	-
	- Chi phí phải trả	-	-
	- Phải trả ngắn hạn khác	6.319.523.667	6.197.625.000
	- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
2	Nợ dài hạn	-	-
	Vay và nợ dài hạn	-	-
	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm qua Công ty đã thực hiện kiện toàn được tổ chức bộ máy điều hành, xây dựng và hoàn thiện quy trình, quy chế làm việc. Đặc biệt là Công ty đã xây dựng và hệ thống lại một cách khoa học về sổ sách và chế độ hạch toán, kế toán qua đó phản ánh kịp thời và chính xác tình hình tài chính của Công ty giúp Ban lãnh đạo đưa ra những quyết sách kịp thời, chính xác.

Mã chứng khoán TOP của Công ty giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Do đó, Công ty đã phải thực hiện áp dụng chế độ báo cáo theo quy định và làm tăng tính minh bạch, công bằng trong hoạt động của Công ty.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu chính của Công ty trong năm 2019 là duy trì được sự ổn định của hoạt động sản xuất kinh doanh hiện có và lấy đó làm nền tảng căn bản. Về kế hoạch lâu dài của công ty:

- Hoạt động phân phối: Mở rộng thêm ngành hàng có biên lợi nhuận cao, quay vòng nhanh, tiếp tục duy trì và phát triển hệ thống mạng lưới khách hàng sẵn có
- Liên kết kinh doanh hệ thống phân phối tới các cửa hàng bán lẻ khu vực Hà Nội và các tỉnh miền bắc
- Đầu tư phát triển vùng trồng và chế biến dược liệu tại Hà Giang

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Hoạt động của Công ty trong năm 2019 đã thực hiện đúng định hướng theo kế hoạch, phù hợp với quan điểm của HĐQT và của Đại hội đồng cổ đông đề ra trong kỳ đại hội

trước đó. Các hoạt động được điều hành một cách linh hoạt theo chiều hướng tích cực và ứng phó kịp thời với những rủi ro do yếu tố khách quan mang lại.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Nhìn chung trong năm tài khóa 2019, Ban điều hành Công ty đã rất nỗ lực để hoàn thành các chỉ tiêu theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Mặc dù không đạt được kế hoạch đặt ra, nhưng vẫn duy trì sự ổn định và điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông. Thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của mình trong việc điều hành Công ty theo điều lệ Quy định. Quản lý tài chính chặt chẽ, nộp ngân sách Nhà nước về thuế, BHXH, BHYT và các chế độ đãi ngộ cho người lao động đúng quy định của công ty và pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

HĐQT công ty quyết tâm nỗ lực xây dựng Công ty phát triển ổn định và bền vững, vượt qua khó khăn bằng các biện pháp chủ yếu sau:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hợp đồng đã ký và sử dụng nguồn vốn một cách có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2019.
- Duy trì việc trao đổi tình hình hàng tuần giữa chủ tịch HĐQT với các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành để tạo sự thống nhất và phát huy các sáng kiến, tưởng của các thành viên cho hoạt động của HĐQT và của Công ty.
- Duy trì các cuộc họp Hội đồng Quản trị hàng quý nhằm đề ra các chủ trương, chính sách kịp thời linh hoạt, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.
- Soạn thảo chiến lược phát triển Công ty.

Với những biến động không ổn định của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới, HĐQT tiếp tục chỉ đạo và giám sát Ban điều hành công ty để hoàn thành và vượt các chỉ tiêu đề ra cho năm 2019.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3-4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5-6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	7-8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-29



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Địa chỉ: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Top One (“Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân phối Top One được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: TOP ONE.,JSC

Trụ sở chính của Công ty: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019 là 253.500.000.000 VND (Hai trăm năm mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại sàn Upcom từ ngày 09 tháng 07 năm 2015 với mã giao dịch TOP.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hội đồng Quản trị			
Ông Định Văn Tạo	Chủ tịch Hội đồng quản trị		27/04/2019
Ông Nguyễn Hữu Khả	Chủ tịch Hội đồng quản trị	27/04/2019	
Ông Đỗ Xuân Long	Thành viên		
Ông Phạm Xuân Thủy	Thành viên		27/04/2019
Bà Mai Thị Tươi	Thành viên		27/04/2019
Ông Nguyễn Thế Trịnh	Thành viên		
Ban Giám đốc			
Ông Nguyễn Thế Trịnh	Giám đốc		
Ông Vũ Hồng Quang	Phó Giám đốc		17/03/2020
Bà Vũ Thị Lan Hương	Phó Giám đốc		17/03/2020
Ban Kiểm soát			
Ông Vũ Văn Hưng	Trưởng Ban kiểm soát		
Ông Phạm Cao Cường	Thành viên		
Bà Nguyễn Thị Nhị Hương	Thành viên		
Kế toán Công ty			
Bà Nguyễn Thị Kim Thành	Kế toán trưởng		18/03/2020
Bà Đỗ Thị Thanh Xuân	Kế toán trưởng	18/03/2020	

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đại diện pháp luật của Công ty,



Nguyễn Hữu Khả
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

LIÊN
HỘI
KIỂM
TOÁN
VIÊN
CPA
VIETNAM
MOORE
GLOBAL
NETWORK

Số: 397/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng năm 2019 của Công ty Cổ phần Phân phối Top One

Kính gửi: **Các Quý cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Phân phối Top One, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2020, từ trang 7 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Như trình bày tại thuyết minh 5.10 của phần thuyết minh Báo cáo tài chính, theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 27/04/2019 và Nghị Quyết số 2603/NQ-HDQT ngày 26/03/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5300728430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp thay đổi lần 3 ngày 23/07/2019). Trong kỳ Công ty thực hiện mua 1.520.000 cổ phần (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Chế biến Rau củ quả và Thảo dược Nam Hà với giá chuyển nhượng 160.000 đồng/cổ phần (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần CNCPTOP-NHK/01/2019 ngày 26/03/2019). Tính đến ngày 04/04/2019, Công ty đã thanh toán hết cho khoản đầu tư này với tổng số tiền 243.200.000.000 đồng.

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 05/11/2019 về việc chuyển nhượng cổ phần, do tình hình kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà không được như kỳ vọng mong muốn, mặt khác ông Nguyễn Hữu Khả sở hữu 95% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang (Giấy chứng nhận ĐKDN 0107249663 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký lần 10 ngày 07/10/2019). Công ty chuyển nhượng lại toàn bộ 1.520.000 số cổ phần (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà với giá chuyển nhượng 160.000 đồng/cổ phần cho ông Nguyễn Hữu Khả (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần CNCPTOP-NHK/11/2019 ngày 18/11/2019). Đồng thời, ông Nguyễn Hữu Khả chuyển nhượng lại 2.280.000 cổ phần (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang

01/20
GT
:H
:T
VIE
HÀ

với giá 106.667đ/cổ phần (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần CNCPTOP-NHK/TPHG11/2019 ngày 18/11/2019). Phương thức thanh toán bằng cầm trừ công nợ số tiền 243.200.000.000 đồng theo thỏa thuận trên hợp đồng và Biên bản cầm trừ công nợ ngày 18/11/2019.

Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định giá trị thị trường của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà và của Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các giao dịch mua bán và việc cầm trừ công nợ nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các mục khác liên quan trên Báo cáo tài chính 2019 của Công ty.

Công ty sử dụng 96% vốn điều lệ của mình để đầu tư vào Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang do kỳ vọng vào dự án Trồng rừng kinh tế, kết hợp chăn nuôi động vật dưới tán rừng tại huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang của Công ty này. Dự án đã được UBND tỉnh Hà Giang cấp Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 06/06/2017 về việc chấp thuận chủ trương chuyển nhượng và điều chỉnh dự án. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo, chúng tôi chưa được tiếp cận các hồ sơ liên quan đến dự án như: Kế hoạch tài chính để triển khai dự án; Thiết kế bản vẽ thi công, Tổng dự toán; Thuyết minh dự án; Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Các hồ sơ dự án khác... đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, thẩm định phê duyệt. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về đánh giá đối với giá trị của khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang cũng như ảnh hưởng của chúng đến các mục khác liên quan trên Báo cáo tài chính 2019 của Công ty.

Tại ngày 31/12/2019, công ty có số dư nợ phải thu 8.346.244.028VND phát sinh từ giao dịch bán hàng trong kỳ. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, khoản nợ thu hồi được 3.173.691.150VND. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng về khả năng thu hồi đối với khoản nợ chưa thu được, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khả năng thu hồi của đối với khoản nợ chưa thu được cũng như ảnh hưởng của nó đối với các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.



Phan Huy Thắng
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Nguyễn Thị Ngọc Châu
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2019-137-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.758.677.524	213.524.361.756
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	465.661.171	15.431.408.150
1. Tiền	111		465.661.171	15.431.408.150
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.018.769.028	182.665.951.968
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	8.346.244.028	11.742.253.942
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	597.500.000	141.827.408.700
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	19.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	75.025.000	10.096.289.326
III. Hàng tồn kho	140		6.221.942.149	15.328.552.600
1. Hàng tồn kho	141	5.05	6.221.942.149	15.328.552.600
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		52.305.176	98.449.038
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.06	34.445.336	51.617.120
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	46.831.918
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.07	17.859.840	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		245.759.315.793	52.345.352.409
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	49.480.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.04	-	49.480.000.000
II. Tài sản cố định	220		2.441.804.399	2.704.015.859
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.08	954.672.977	1.155.354.797
- Nguyên giá	222		1.539.545.455	1.539.545.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(584.872.478)	(384.190.658)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.09	1.487.131.422	1.548.661.062
- Nguyên giá	228		1.661.300.000	1.661.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(174.168.578)	(112.638.938)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		243.200.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.10	243.200.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		117.511.394	161.336.550
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.06	117.511.394	161.336.550
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		261.517.993.317	265.869.714.165

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.490.119.763	11.087.890.131
I. Nợ ngắn hạn	310		9.490.119.763	11.087.890.131
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	2.540.825.632	4.491.690.912
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	-	250.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.07	751.669.131	26.675.552
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	6.197.625.000	6.319.523.667
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		252.027.873.554	254.781.824.034
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	252.027.873.554	254.781.824.034
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		253.500.000.000	253.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		253.500.000.000	253.500.000.000
2. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối	421		(1.472.126.446)	1.281.824.034
- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.281.824.034	997.386.419
- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(2.753.950.480)	284.437.615
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		261.517.993.317	265.869.714.165

Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

KT Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Vũ Thị Hải Yến

Nguyễn Thị Kim Thành

Nguyễn Hữu Khá

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	29.797.460.673	67.972.280.409
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		29.797.460.673	67.972.280.409
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	6.02	29.770.409.107	65.742.489.405
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.051.566	2.229.791.004
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	253.306.934	9.066.867
7. Chi phí tài chính	22	6.04	26.250.000	65.650.684
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.250.000	65.650.684
8. Chi phí bán hàng	25	6.05	1.117.612.500	527.289.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.06	1.889.911.138	1.269.127.901
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.753.415.138)	376.790.286
11. Thu nhập khác	31		154	6.396.191
12. Chi phí khác	32		535.496	22.111.567
13. Lợi nhuận khác	40		(535.342)	(15.715.376)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.753.950.480)	361.074.910
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	51	6.08	-	76.637.295
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.753.950.480)	284.437.615

Người lập biểu



Vũ Thị Hải Yến

KT Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Thành

Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Hữu Khá

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.753.950.480)	361.074.910
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		262.211.460	258.220.298
- Các khoản dự phòng	03		-	(430.311.458)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(253.306.934)	(9.066.867)
- Chi phí lãi vay	06		26.250.000	65.650.684
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(2.718.795.954)	245.567.567
- Tăng các khoản phải thu	09		257.323.018	223.789.184.354
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.106.610.451	1.999.890.779
- Tăng các khoản phải trả	11		(1.566.074.976)	(3.814.124.207)
- Tăng chi phí trả trước	12		60.996.940	(103.365.267)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(26.250.000)	(65.650.684)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(31.695.392)	(149.883.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.082.114.087	221.901.619.142
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(39.545.455)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(158.218.832.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		158.218.832.000	-
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	25		(228.000.000.000)	(49.480.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	26		49.480.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		253.306.934	9.066.867
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20.047.861.066)	(207.729.310.588)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		4.700.000.000	1.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.700.000.000)	(1.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(14.965.746.979)	14.172.308.554
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.431.408.150	1.259.099.596
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		465.661.171	15.431.408.150

Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

KT Kế toán trưởng





Chủ tịch Hội đồng quản trị

Vũ Thị Hải Yến

Nguyễn Thị Kim Thành

Nguyễn Hữu Khả

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân phối Top One được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY;
Tên viết tắt là: TOP ONE.,JSC

Trụ sở chính của Công ty: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019 là 253.500.000.000 VND (Hai trăm năm mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại sàn Upcom từ ngày 09 tháng 07 năm 2015 với mã giao dịch TOP.

Điện thoại: 04.6292 8994

Fax: 04.6282 8818

E-mail: topone2307@gmail.com

Website: <http://toponejsc.com>

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính: Kinh doanh thương mại; Bán buôn tổng hợp.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 do Bộ Tài chính ban hành.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Nguyên tắc kế toán về Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 16 - Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	14.701.520	554.568.507
Tiền gửi ngân hàng	450.959.651	14.876.839.643
Ngân hàng TMCP Bảo Việt- CN Hà Nội	-	12.863.012
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Thanh Xuân	1.992.780	145.204
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Tây Hồ	1.330.468	2.356.241
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam-CN Thanh Xuân	1.625.597	1.690.250
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam-CN Hà Thành	-	794.818
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Thanh Xuân	445.003.272	7.828.929.032
Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Thanh Xuân	992.473	1.637.457
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín-CN Định Công	-	1.003.448
Ngân hàng TMCP Tiên Phong-CN Thăng Long	15.061	7.027.420.181
Cộng	465.661.171	15.431.408.150

5.02 Phải thu của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Truyền thông Ngô Quyền Hà Nội	1.742.672.351	-
Công ty cổ phần XNK Đức Bảo	1.702.623.076	-
Công ty TNHH EVIE	1.974.401.798	-
Công ty cổ phần dịch vụ Top One	896.648.731	5.117.712.461
Công ty CP Đông Dược Ninh Bình	1.408.592.922	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nhà hàng Hải Linh	-	704.025.200
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Mê Kông Miền Bắc	-	2.685.143.868
Công ty cổ phần Dịch vụ bảo vệ đất vàng Việt Nam	-	2.685.364.572
Phải thu khách hàng khác	621.305.150	550.007.841
Cộng	8.346.244.028	11.742.253.942

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Kiểm toán ASC	-	35.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị	-	7.700
Công ty cổ phần Đông dược Cao Bằng	-	2.573.569.000
Ông Đinh Văn Tạo	-	10.000.000.000
Bà Mạc Thị Hoa	-	7.000.000.000
Ông Nguyễn Tiến Thành	-	29.964.832.000
Ông Nguyễn Hữu Khá	-	15.200.000.000
Ông Triệu Tiến Duẩn	-	20.000.000.000
Ông Vũ Minh Chính	-	57.054.000.000
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ SBO Việt Nam	500.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	97.500.000	-
Cộng	597.500.000	141.827.408.700

5.04 Các khoản phải thu khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	75.025.000	-	10.096.289.326	-
- Tạm ứng	-	-	10.000.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược	75.025.000	-	87.700.285	-
- Công ty Cp Tư v& xây dựng VFCC	-	-	8.589.041	-
Dài hạn	-	-	49.480.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Khách sạn và du lịch Nghệ Tĩnh (*)	-	-	49.480.000.000	-
Tổng	75.025.000	-	59.576.289.326	-

(*): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/HTKD/TOP-DLHT ngày 28/12/2018, hợp tác xây dựng và kinh doanh dự án "Khách sạn và trung tâm thương mại VFCC" tại phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 28/12/2018 đến ngày 31/12/2065. Công ty Cổ phần Phân phối Top One sẽ góp 79.161.000.000 đồng. Do có kế hoạch thay đổi hướng đầu tư nên ngày 04/04/2019, hai bên thực hiện thanh lý hợp đồng theo Biên bản thanh lý hợp đồng số TL01/2018/HĐKD/TOP-DLHT, Công ty Cổ phần Phân phối Top One thu hồi lại phần vốn góp hợp tác kinh doanh do thay đổi kế hoạch kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5.05 Hàng tồn kho

Đơn vị: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	6.221.942.149	-	15.328.552.600	-
Cộng	6.221.942.149	-	15.328.552.600	-

5.06 Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	34.445.336	51.617.120
Công cụ dụng cụ	-	2.405.301
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	34.445.336	49.211.819
Chi phí trả trước dài hạn	117.511.394	161.336.550
Công cụ dụng cụ	117.511.394	161.336.550
Cộng	151.956.730	212.953.670

5.07 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị: VND

	01/01/2019		Phát sinh trong năm		31/12/2019	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.552.567.748	1.860.088.617	692.479.131	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.835.552	-	-	31.695.392	-	17.859.840
Thuế thu nhập cá nhân	12.840.000	-	94.777.500	48.427.500	59.190.000	-
Phí lệ phí, các khoản phải nộp khác	-	-	3.535.496	3.535.496	-	-
Cộng	26.675.552	-	2.650.880.744	1.943.747.005	751.669.131	17.859.840

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**5.08 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị: VND

	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.500.000.000	39.545.455	1.539.545.455
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>1.500.000.000</u>	<u>39.545.455</u>	<u>1.539.545.455</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2019	375.000.000	9.190.658	384.190.658
Tăng trong năm	187.500.000	13.181.820	200.681.820
Khấu hao trong năm	187.500.000	13.181.820	200.681.820
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>562.500.000</u>	<u>22.372.478</u>	<u>584.872.478</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2019	<u>1.125.000.000</u>	<u>30.354.797</u>	<u>1.155.354.797</u>
Tại ngày 31/12/2019	<u>937.500.000</u>	<u>17.172.977</u>	<u>954.672.977</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5.09 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Đơn vị: VND Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.661.300.000	1.661.300.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>1.661.300.000</u>	<u>1.661.300.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	112.638.938	112.638.938
Tăng trong năm	61.529.640	61.529.640
Khấu hao trong năm	61.529.640	61.529.640
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>174.168.578</u>	<u>174.168.578</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại ngày 01/01/2019	<u>1.548.661.062</u>	<u>1.548.661.062</u>
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>1.487.131.422</u>	<u>1.487.131.422</u>

(*): Theo các hợp đồng chuyển nhượng:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Bùi Văn Thành và Công ty Cổ phần Phân phối Top One ngày 10/02/2017, giá trị chuyển nhượng là 390.600.000 đồng, mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Bùi Văn Vi và Công ty Cổ phần Phân phối Top One ngày 10/02/2017, giá trị chuyển nhượng là 1.270.700.000 đồng, mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.10 Đầu tư vào công ty con

	Tỷ lệ		31/12/2019		01/01/2019		Đơn vị: VND
	Vốn giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Công ty CP Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang	95%	95%	243.200.000.000	-	-	-	-
Cộng	95%	95%	243.200.000.000	-	-	-	-

Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 27/04/2019 và Nghị Quyết số 2603/NQ-HDQT ngày 26/03/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5300728430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp thay đổi lần 3 ngày 23/07/2019). Trong kỳ Công ty thực hiện mua 1.520.000 cổ phần (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Chế biến Rau củ quả và Thảo dược Nam Hà với giá chuyển nhượng 160.000 đồng/cổ phần (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần CNCPTOP-NHK/01/2019 ngày 26/03/2019). Tính đến ngày 04/04/2019, Công ty đã thanh toán hết cho khoản đầu tư này với tổng số tiền 243.200.000.000 đồng.

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 05/11/2019 về việc chuyển nhượng cổ phần, do tình hình kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà không được như kỳ vọng mong muốn, mặt khác ông Nguyễn Hữu Khá sở hữu 95% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang (Giấy chứng nhận ĐKDN 0107249663 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký lần 10 ngày 07/10/2019). Công ty chuyển nhượng lại toàn bộ 1.520.000 số cổ phần (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà với giá chuyển nhượng 160.000 đồng/cổ phần cho ông Nguyễn Hữu Khá (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần CNCPTOP-NHK/11/2019 ngày 18/11/2019). Đồng thời, ông Nguyễn Hữu Khá chuyển nhượng lại 2.280.000 cổ phần (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang với giá 106.667đ/cổ phần (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần CNCPTOP-NHK/TPHG11/2019 ngày 18/11/2019). Phương thức thanh toán bằng căn trừ công nợ số tiền 243.200.000.000 đồng theo thỏa thuận trên hợp đồng và Biên bản căn trừ công nợ ngày 18/11/2019.

Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang được UBND tỉnh Hà Giang cấp Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 06/06/2017 về việc chấp thuận chủ trương chuyển nhượng và điều chỉnh dự án Trồng rừng kinh tế, kết hợp chăn nuôi động vật dưới tán rừng tại huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

(*) Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31/12/2019 cần được trình bày. Tuy nhiên, do công ty Công ty Cổ phần Lâm nông sản Hà Giang chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên tại ngày 31/12/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**5.11 Phải trả người bán**

Đơn vị: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH dịch vụ Nam Vũ	399.439.469	399.439.469	-	-
Công ty cổ phần dịch vụ Top One	2.141.386.163	2.141.386.163	1.309.542.002	1.309.542.002
Công ty TNHH Gia Nguyễn Hà Nội	-	-	3.180.148.910	3.180.148.910
Công ty CP Đông Dược Ninh Bình	-	-	2.000.000	2.000.000
Cộng	2.540.825.632	2.540.825.632	4.491.690.912	4.491.690.912

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty CP Hoa Đạm	-	250.000.000
Cộng	-	250.000.000

5.13 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	1.898.667
Phải trả cổ tức	6.197.625.000	6.197.625.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	120.000.000
Cộng	6.197.625.000	6.319.523.667

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.14. Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VND Cộng
Số dư tại 01/01/2018	253.500.000.000	997.386.419	254.497.386.419
Tăng trong năm	-	284.437.615	284.437.615
Lợi nhuận tăng trong năm	-	284.437.615	284.437.615
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	253.500.000.000	1.281.824.034	254.781.824.034
Số dư 01/01/2019	253.500.000.000	1.281.824.034	254.781.824.034
Tăng trong năm	-	(2.753.950.480)	(2.753.950.480)
Lợi nhuận tăng trong năm	-	(2.753.950.480)	(2.753.950.480)
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	253.500.000.000	(1.472.126.446)	252.027.873.554

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ
Vốn góp của các cổ đông	253.500.000.000	100%	253.500.000.000	100%
Cộng	253.500.000.000	100%	253.500.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	253.500.000.000	253.500.000.000
Vốn góp tại đầu năm	253.500.000.000	253.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	253.500.000.000	253.500.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5.14 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.350.000	25.350.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

J.M
CÁ
T
KII
CPA
068
J.M
01
1A
01
HU

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa	29.797.460.673	67.972.280.409
Cộng	<u>29.797.460.673</u>	<u>67.972.280.409</u>

6.02 Giá vốn cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	29.770.409.107	65.742.489.405
Cộng	<u>29.770.409.107</u>	<u>65.742.489.405</u>

6.03 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi	764.934	9.066.867
Lãi cho vay	252.542.000	-
Cộng	<u>253.306.934</u>	<u>9.066.867</u>

6.04 Chi phí tài chính

	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Chi phí lãi tiền vay	26.250.000	65.650.684
Cộng	<u>26.250.000</u>	<u>65.650.684</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****6.05 Chi phí bán hàng**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	1.115.812.500	527.289.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.800.000	-
Cộng	1.117.612.500	527.289.000

6.06 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	554.181.503	465.821.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	288.943.668	191.827.320
Chi phí khấu hao TSCĐ	262.211.460	258.220.298
Thuế, phí, lệ phí	3.535.496	3.365.922
Chi phí dự phòng	-	(430.311.458)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	555.390.113	291.625.052
Chi phí khác bằng tiền	225.648.898	488.579.767
Cộng	1.889.911.138	1.269.127.901

6.07 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	20.663.798.656
Chi phí nhân công	1.669.994.003
Chi phí khấu hao TSCĐ	262.211.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	555.390.113
Chi phí bằng tiền khác	519.928.062
Cộng	23.671.322.294

6.08 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.753.950.480)	361.074.910
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	-	22.111.565
Tổng thu nhập chịu thuế	(2.753.950.480)	383.186.475
Thuế TNDN phải nộp	-	76.637.295
<i>Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (20%)</i>	-	76.637.295
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	76.637.295

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

7. THÔNG TIN KHÁC**7.01 Công cụ tài chính**

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	465.661.171	15.431.408.150
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.421.269.028	71.318.543.268
Đầu tư dài hạn	243.200.000.000	-
Cộng	252.086.930.199	86.749.951.418
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	8.738.450.632	10.811.214.579
Cộng	8.738.450.632	10.811.214.579

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá trị cổ phiếu đầu tư mua của Công ty chưa niêm yết được ghi nhận theo mệnh giá đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa nguyên liệu đầu vào, tỷ giá hối đoái, lãi suất và các chủ chương chính sách của Nhà Nước.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Khách hàng Công ty là đối tác trong nước, do đó Công ty sẽ ít gặp phải rủi ro đáng kể khi tỷ giá có sự biến động.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Công ty có phát sinh các khoản vay các cá nhân theo hợp đồng trong năm tài chính, tại thời điểm Công ty đã thanh toán các khoản vay này. Do đó Công ty ít gặp rủi ro về lãi suất khi có sự điều chỉnh lãi suất trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi có khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	31/12/2019		Cộng VND
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	465.661.171	-	465.661.171
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.421.269.028	-	8.421.269.028
Đầu tư dài hạn	-	243.200.000.000	243.200.000.000
Cộng	8.886.930.199	243.200.000.000	252.086.930.199
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	8.738.450.632	-	8.738.450.632
Cộng	8.738.450.632	-	8.738.450.632
Chênh lệch thanh khoản thuần	148.479.567	243.200.000.000	243.348.479.567

7.02 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

7.03 Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty vẫn hoạt động bình thường trong các năm tới nên thực hiện lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.04 Giao dịch và số dư với các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan:*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty	Quản lý chủ chốt

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mua cổ phần		
Ông Nguyễn Hữu Khá	243.200.000.000	-
Thu tiền cho vay		
Ông Đinh Văn Tạo	19.000.000.000	-

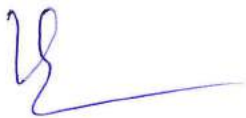
Tại ngày 31/12/2019, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Cho vay		
Ông Đinh Văn Tạo	-	19.000.000.000
Trả trước người bán		
Ông Đinh Văn Tạo	-	10.000.000.000
Ông Nguyễn Hữu Khá	-	15.200.000.000

7.05 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, Báo cáo soát xét số 268/BCKT-TC phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2018 đưa ra kết luận ngoại trừ và Báo cáo kiểm toán độc lập số 207/BCKT-TC phát hành ngày 01 tháng 04 năm 2019 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Một số chỉ tiêu đầu kỳ trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được phân loại lại cho phù hợp nội dung nghiệp vụ.

Người lập biểu



Vũ Thị Hải Yên

KT Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Thành

Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Hữu Khá

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tháng 03 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3-4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5-6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	7-8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-28



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Địa chỉ: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Top One (“Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân phối Top One được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TOP ONE.,JSC

Trụ sở chính của Công ty: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019 là 253.500.000.000 VND (Hai trăm

năm mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại sàn Upcom từ ngày 09 tháng 07 năm 2015 với mã giao dịch TOP.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hội đồng Quản trị			
Ông Định Văn Tạo	Chủ tịch Hội đồng quản trị		27/04/2019
Ông Nguyễn Hữu Khá	Chủ tịch Hội đồng quản trị	27/04/2019	
Ông Đỗ Xuân Long	Thành viên		
Ông Phạm Xuân Thủy	Thành viên		27/04/2019
Bà Mai Thị Tươi	Thành viên		27/04/2019
Ông Nguyễn Thế Trịnh	Thành viên		
Ban Giám đốc			
Ông Nguyễn Thế Trịnh	Giám đốc		
Ông Vũ Hồng Quang	Phó Giám đốc		17/03/2020
Bà Vũ Thị Lan Hương	Phó Giám đốc		17/03/2020
Ban Kiểm soát			
Ông Vũ Văn Hưng	Trưởng Ban kiểm soát		
Ông Phạm Cao Cường	Thành viên		
Bà Nguyễn Thị Nhị Hương	Thành viên		
Kế toán Công ty			
Bà Nguyễn Thị Kim Thành	Kế toán trưởng		18/03/2020
Bà Đỗ Thị Thanh Xuân	Kế toán trưởng	18/03/2020	

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đại diện pháp luật của Công ty,



Nguyễn Hữu Khả

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Số: 398/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần Phân phối Top One**

Kính gửi: Các Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân phối Top One

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Phân phối Top One, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2020, từ trang 7 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Như trình bày ở phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại thuyết minh 5.10, Công ty đang ghi nhận khoản lợi thế thương mại 219.669.202.867 VND phát sinh khi hợp nhất công ty con là Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang; Tại Thuyết minh 6.06, Công ty đang nhận khoản chi phí quản lý 11.390.075.503 VND là khoản phân bổ lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất công ty con là Công ty Cổ phần chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà, cụ thể:

Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 27/04/2019 và Nghị Quyết số 2603/NQ-HDQT ngày 26/03/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5300728430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp thay đổi lần 3 ngày 23/07/2019). Trong kỳ Công ty thực hiện mua 1.520.000 cổ phần (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Chế biến Rau củ quả và Thảo dược Nam Hà với giá chuyển nhượng 160.000 đồng/cổ phần (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần CNCPTOP-NHK/01/2019 ngày 26/03/2019). Tính đến ngày 04/04/2019, Công ty đã thanh toán hết cho khoản đầu tư này với tổng số tiền 243.200.000.000 đồng.

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 05/11/2019 về việc chuyển nhượng cổ phần, do tình hình kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà không được như kỳ vọng mong muốn, mặt khác ông Nguyễn Hữu Khả sở hữu 95% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang (Giấy chứng nhận ĐKDN 0107249663 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký lần 10 ngày 07/10/2019). Công ty chuyển nhượng lại toàn bộ 1.520.000 số cổ phần (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà với giá chuyển nhượng 160.000 đồng/cổ phần cho ông Nguyễn Hữu Khả (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần CNCPTOP-

NHK/11/2019 ngày 18/11/2019). Đồng thời, ông Nguyễn Hữu Khả chuyển nhượng lại 2.280.000 cổ phần (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang với giá 106.667đ/cổ phần (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần CNCPTOP-NHK/TPHG11/2019 ngày 18/11/2019). Phương thức thanh toán bằng căn trừ công nợ số tiền 243.200.000.000 đồng theo thỏa thuận trên hợp đồng và Biên bản căn trừ công nợ ngày 18/11/2019.

Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định giá trị hợp lý của khoản lợi thế thương mại 219.669.202.867 VND và khoản chi phí lợi thế thương mại phân bổ 11.390.075.503 VND đang ghi nhận vào chi phí quản lý phát sinh khi hợp nhất. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến đối với các khoản mục trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất 2019 của Công ty.

Tại ngày 31/12/2019, công ty có số dư nợ phải thu 9,1 tỷ VND, tại thời điểm phát hành báo cáo này, khoản nợ thu hồi được 3,1 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng về khả năng thu hồi đối với khoản nợ chưa thu được, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khả năng thu hồi của đối với khoản nợ chưa thu được cũng như ảnh hưởng của nó đối với các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty đang theo dõi các khoản nợ phải thu khác 21.115.607.000VND, trong đó khoản phải thu của Ông Nguyễn Hữu Thường 19.140.582.000VND là khoản ứng trước theo hợp đồng Ủy thác đầu tư số 01/2016/UTDT ngày 31/12/2016 giữa Công ty cổ phần Đầu tư DULO ủy thác cho Ông Thường ký hợp đồng mua bán đất xây dựng văn phòng với Công ty Cổ phần Đầu tư DDG (nay là Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang), số hợp đồng BT11-01/MBVP ngày 05/04/2017. Do Hợp đồng không thực hiện được nên Công ty đã thu hồi được một phần khoản ứng trước. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện không giúp chúng tôi thu thập được bằng chứng kiểm toán cần thiết, do đó chúng tôi không đủ cơ sở đưa ra ý kiến đánh giá về khả năng thu hồi đối với khoản nợ trên cũng như ảnh hưởng của nó tới các khoản mục khác liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính *đính kèm*.

Vấn đề khác

Tại ngày 31/12/2019, Công ty thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà, đồng thời thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang, do đó số liệu đang trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất được tổng hợp từ số liệu trên Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang; Số liệu trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được tổng hợp từ số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà.



Phan Huy Thăng
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Nguyễn Thị Ngọc Châm
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2019-137-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.886.855.440	213.524.361.756
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	489.446.408	15.431.408.150
1. Tiền	111		489.446.408	15.431.408.150
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.029.416.561	182.665.951.968
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	9.116.309.561	11.742.253.942
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	797.500.000	141.827.408.700
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	19.000.000.000
4. Phải thu khác ngắn hạn	136	5.04	21.115.607.000	10.096.289.326
III. Hàng tồn kho	140		8.276.801.745	15.328.552.600
1. Hàng tồn kho	141	5.05	8.276.801.745	15.328.552.600
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		91.190.726	98.449.038
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.06	73.330.886	51.617.120
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	46.831.918
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.07	17.859.840	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		222.956.446.341	52.345.352.409
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	49.480.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.04	-	49.480.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.169.732.080	2.704.015.859
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.08	1.082.600.658	1.155.354.797
- Nguyên giá	222		1.930.454.546	1.539.545.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(847.853.888)	(384.190.658)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.09	2.087.131.422	1.548.661.062
- Nguyên giá	228		2.261.300.000	1.661.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(174.168.578)	(112.638.938)
III. Tài sản dài hạn khác	260		219.786.714.261	161.336.550
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.06	117.511.394	161.336.550
2. Lợi thế thương mại	269	5.10	219.669.202.867	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		262.843.301.781	265.869.714.165

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	31.525.182.857	67.972.280.409
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		31.525.182.857	67.972.280.409
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	31.302.406.606	65.742.489.405
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		222.776.251	2.229.791.004
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	11.733.492.055	9.066.867
7. Chi phí tài chính	22	6.04	26.250.000	65.650.684
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		26.250.000	65.650.684
8. Chi phí bán hàng	25	6.05	1.277.332.500	527.289.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.06	13.433.993.479	1.269.127.901
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.781.307.672)	376.790.286
11. Thu nhập khác	31		154	6.396.191
12. Chi phí khác	32		1.096.536	22.111.567
13. Lợi nhuận khác	40		(1.096.382)	(15.715.376)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.782.404.054)	361.074.910
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.07	8.337.181	76.637.295
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.790.741.235)	284.437.615
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	61		(2.874.499.536)	284.437.615
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(6.344.687)	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.08	(113)	11

Người lập biểu



Vũ Thị Hải Yến

KT Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Thành

Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị




Nguyễn Hữu Khả

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019		Năm 2018	
		VND		VND	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(2.782.404.054)		361.074.910	
2. Điều chỉnh cho các khoản					
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	262.211.460		258.220.298	
- Các khoản dự phòng	03	-		(430.311.458)	
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(253.306.934)		(9.066.867)	
- Chi phí lãi vay	06	26.250.000		65.650.684	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(2.747.249.528)		245.567.567	
- Tăng các khoản phải thu	09	257.323.018		223.789.184.354	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9.106.610.451		1.999.890.779	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.537.621.402)		(3.814.124.207)	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	60.996.940		(103.365.267)	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(26.250.000)		(65.650.684)	
- Thuế TNDN đã nộp	15	(31.695.392)		(149.883.400)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20	5.082.114.087		221.901.619.142	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-		(39.545.455)	
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	158.218.832.000		-	
3. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	25	(227.976.214.763)		(188.698.832.000)	
4. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	26	49.480.000.000		-	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	253.306.934		9.066.867	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20.024.075.829)		(207.729.310.588)	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.700.000.000		1.500.000.000	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.700.000.000)		(1.500.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-		-	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(14.941.961.743)		14.172.308.554	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.431.408.150		1.259.099.596	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	489.446.408		15.431.408.150	

Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hải Yến

Nguyễn Thị Kim Thành

Nguyễn Hữu Khả

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân phối Top One được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY;
Tên viết tắt là: TOP ONE.,JSC

Trụ sở chính của Công ty: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019 là 253.500.000.000 VND (Hai trăm năm mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại sàn Upcom từ ngày 09 tháng 07 năm 2015 với mã giao dịch TOP.

Điện thoại: 04.6292 8994

Fax: 04.6282 8818

E-mail: topone2307@gmail.com

Website: <http://toponejsc.com>

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính: Kinh doanh thương mại; Bán buôn tổng hợp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có 01 công ty con là Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang (chiếm 95% vốn điều lệ).

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các văn bản pháp lý khác theo qui định của nhà nước.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31/12. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư tại Công ty đó.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS 11 – Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Nguyên tắc kế toán về Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15-25
Máy móc và thiết bị	3-12
Phương tiện vận tải	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 16 - Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp (xác định theo chỉ số trên công tơ điện) và giá bán điện do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

CP
10
01
CỔ
C
PH
T
1A

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh kinh doanh điện năng và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	34.463.869	554.568.507
Tiền gửi ngân hàng	454.982.539	14.876.839.643
Cộng	489.446.408	15.431.408.150

5.02 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Ăn Uống Và Thương Mại Bách Diệp	529.851.150	-
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Truyền Thông Ngô Quyền Hà Nội	1.742.672.351	-
Công Ty Cổ Phần Xnk Đức Bảo	1.702.623.076	
Công Ty Tnhh Thương Mại Và Âm Thực Thu Huyền	91.454.000	
Công Ty Tnhh Evie	1.974.401.798	
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Top One	896.648.731	5.117.712.461
Công Ty Cp Đông Dược Ninh Bình	1.408.592.922	
Công Ty Tnhh Dịch Vụ Nhà Hàng Hải Linh	-	704.025.200
Công Ty Tnhh Dịch Vụ Nam Vũ (Công Ty Tnhh Thời Trang Bts)	-	550.007.838
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Bảo Vệ Mê Kông Miền Bắc	-	2.685.143.868
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Bảo Vệ Đất Vàng Việt Nam	-	2.685.364.572
Phải thu khách hàng khác	770.065.533	3
Cộng	9.116.309.561	11.742.253.942

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH Kiểm toán ASC	-	35.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị	-	7.700
Công ty cổ phần Đông dược Cao Bằng	-	2.573.569.000
Ông Đinh Văn Tạo	-	10.000.000.000
Bà Mạc Thị Hoa	-	7.000.000.000
Ông Nguyễn Tiến Thành	-	29.964.832.000
Ông Nguyễn Hữu Khá	-	15.200.000.000
Ông Triệu Tiến Duẩn	-	20.000.000.000
Ông Vũ Minh Chính	-	57.054.000.000
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ SBO Việt Nam	500.000.000	-
Hợp tác xã Thiên Phương	200.000.000	-
Trả trước người bán khác	97.500.000	-
Cộng	797.500.000	141.827.408.700

5.04 Các khoản phải thu khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	21.115.607.000	-	10.096.289.326	-
Phải thu tạm ứng	-	-	10.000.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	75.025.000	-	87.700.285	-
Công ty Cp Tư vấn xây dựng VFCC	-	-	8.589.041	-
Ông Nguyễn Hữu Thường (1)	19.140.582.000	-	-	-
Ông Nguyễn Hữu Khá (2)	1.900.000.000	-	-	-
Dài hạn	-	-	49.480.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Khách sạn và du lịch Nghệ Tĩnh (3)	-	-	49.480.000.000	-
Cộng	21.115.607.000	-	59.576.289.326	-

- (1) Khoản ứng trước theo hợp đồng Ủy thác đầu tư số 01/2016/UTDT ngày 31/12/2016 giữa Công ty cổ phần Đầu tư DULO ủy thác cho Ông Nguyễn Hữu Thường đại diện Công ty ký hợp đồng mua bán đất xây dựng văn phòng với Công ty Cổ phần Đầu tư DDG (nay là Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang), số hợp đồng BT11-01/MBVP ngày 05/04/2017. Do Hợp đồng không thực hiện được nên Công ty đã thu hồi được một phần khoản ứng trước.
- (2) Phải thu của Ông Nguyễn Hữu Khá theo Hợp đồng cho vay số 01/HG/NHK ngày 30/12/2019, thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất 9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**5.04 Các khoản phải thu khác (tiếp theo)**

(3): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/HTKD/TOP-DLHT ngày 28/12/2018, hợp tác xây dựng và kinh doanh dự án "Khách sạn và trung tâm thương mại VFCC" tại phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 28/12/2018 đến ngày 31/12/2065. Công ty Cổ phần Phân phối Top One sẽ góp 79.161.000.000 đồng. Do có kế hoạch thay đổi hướng đầu tư nên ngày 04/04/2019, hai bên thực hiện thanh lý hợp đồng theo Biên bản thanh lý hợp đồng số TL01/2018/HĐKD/TOP-DLHT, Công ty Cổ phần Phân phối Top One thu hồi lại phần vốn góp hợp tác kinh doanh do thay đổi kế hoạch kinh doanh.

5.05 Hàng tồn kho

Đơn vị: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	8.276.801.745	-	15.328.552.600	-
Cộng	8.276.801.745	-	15.328.552.600	-

5.06 Chi phí trả trước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	73.330.886	51.617.120
Công cụ dụng cụ	38.885.550	2.405.301
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	34.445.336	49.211.819
Chi phí trả trước dài hạn	117.511.394	161.336.550
Công cụ dụng cụ	117.511.394	161.336.550
Cộng	190.842.280	212.953.670

5.07 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị: VND

Nội dung	01/01/2019		Số phát sinh trong năm		31/12/2019	
	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu
Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.639.223.008	1.860.088.617	779.134.391	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.835.552	-	-	31.695.392	-	17.859.840
Thuế thu nhập cá nhân	12.840.000	-	94.967.697	48.427.500	59.380.197	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	-	3.535.496	3.535.496	-	-
Cộng	26.675.552	-	2.737.726.201	1.943.747.005	838.514.588	17.859.840

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**5.08 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2019	-	1.500.000.000	39.545.455	1.539.545.455
Tăng trong năm	390.909.091	-	-	390.909.091
Tăng do mua công ty con	390.909.091	-	-	390.909.091
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>390.909.091</u>	<u>1.500.000.000</u>	<u>39.545.455</u>	<u>1.930.454.546</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2019	-	375.000.000	9.190.658	384.190.658
Tăng trong năm	262.981.410	187.500.000	13.181.820	463.663.230
Khấu hao trong năm	-	187.500.000	13.181.820	200.681.820
Tăng do mua công ty con	262.981.410	-	-	262.981.410
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>262.981.410</u>	<u>562.500.000</u>	<u>22.372.478</u>	<u>847.853.888</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2019	-	1.125.000.000	30.354.797	1.155.354.797
Tại ngày 31/12/2019	<u>127.927.681</u>	<u>937.500.000</u>	<u>17.172.977</u>	<u>1.082.600.658</u>



NAM
 TH
 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.09 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.661.300.000	1.661.300.000
Tăng trong năm	600.000.000	600.000.000
Tăng do mua công ty con	600.000.000	600.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	2.261.300.000	2.261.300.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	112.638.938	112.638.938
Tăng trong năm	30.764.820	30.764.820
Khấu hao trong năm	30.764.820	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	143.403.758	143.403.758
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2019	1.548.661.062	1.548.661.062
Tại ngày 31/12/2019	2.117.896.242	2.117.896.242

5.10 Lợi thế thương mại

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Lợi thế thương mại	219.669.202.867	-
Cộng	219.669.202.867	-

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Gia Nguyễn Hà Nội	-	-	3.180.148.910	3.180.148.910
Công ty TNHH dịch vụ Nam Vũ	399.439.469	399.439.469	-	-
Công ty cổ phần dịch vụ Top One	2.141.386.163	2.141.386.163	1.309.542.002	1.309.542.002
Công ty CP Đông Dược Ninh Bình	-	-	2.000.000	2.000.000
Cộng	2.540.825.632	2.540.825.632	4.491.690.912	4.491.690.912

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty CP Hoa Đạm	-	250.000.000
Cộng	-	250.000.000

5.13 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	1.898.667
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.197.625.000	6.317.625.000
Cộng	6.197.625.000	6.319.523.667

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị: VND Cộng
Số dư tại 01/01/2018	253.500.000.000	997.386.409	-	254.497.386.409
Tăng trong năm	-	284.437.625	-	284.437.625
Lợi nhuận tăng trong năm	-	284.437.625	-	284.437.625
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	253.500.000.000	1.281.824.034	-	254.781.824.034
Số dư tại 01/01/2019	253.500.000.000	1.281.824.034	-	254.781.824.034
Tăng trong năm	-	(2.752.348.055)	1.236.860.582	(1.515.487.473)
Lợi nhuận tăng trong năm	-	(2.752.348.055)	1.236.860.582	(1.515.487.473)
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	253.500.000.000	(1.470.524.021)	1.236.860.582	253.266.336.561

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Vốn góp của các cổ đông	25.350.000	100,00%	25.350.000	100,00%
Cộng	25.350.000	100,00%	25.350.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm 2019	Năm 2019
	VND	VND
Vốn góp tại đầu năm	253.500.000.000	253.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	253.500.000.000	253.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia, trích lập các quỹ	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.350.000	25.350.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

919
 .TY
 .H
 .CÁN
 .TNA
 .01-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.525.182.857	67.972.280.409
Cộng	31.525.182.857	67.972.280.409

6.02 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	31.302.406.606	65.742.489.405
Cộng	31.302.406.606	65.742.489.405

6.03 Doanh thu tài chính

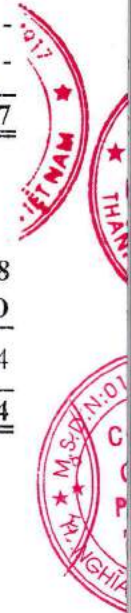
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	771.565	9.066.867
Lãi cho vay	252.542.000	-
Lãi thoái vốn tại công ty con khi hợp nhất	11.480.178.490	-
Cộng	11.733.492.055	9.066.867

6.04 Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	26.250.000	65.650.684
Cộng	26.250.000	65.650.684

6.05 Chi phí bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.188.532.500	527.289.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.800.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.000.000	-
Chi phí bằng tiền khác	52.000.000	-
Cộng	1.277.332.500	527.289.000



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

6.06 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	650.541.503	465.821.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	324.562.549	191.827.320
Chi phí khấu hao TSCĐ	262.211.460	258.220.298
Thuế phí và lệ phí	3.535.496	3.365.922
Chi phí dự phòng	-	(430.311.458)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	577.418.070	291.625.052
Chi phí khác	11.615.724.401	488.579.767
Cộng	13.433.993.479	1.269.127.901

6.07 Chi phí thuế TNDN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.782.404.054)	361.074.910
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	-	22.111.565
Thu nhập chịu thuế	(2.782.404.054)	383.186.475
Thuế TNDN phải nộp	8.337.181	76.637.295
Thuế TNDN phải nộp 20%	8.337.181	76.637.295
Thuế TNDN phải nộp	8.337.181	76.637.295

6.07 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.195.796.155
Chi phí nhân công	1.839.074.003
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.889.474.547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	612.418.070
Chi phí khác bằng tiền	11.997.622.446
Cộng	53.534.385.221

6.08 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận phân phối cho công ty mẹ	(2.874.499.536)	284.437.615
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.874.499.535)	284.437.615
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	25.350.000	25.350.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(113)	11

1.3.D
 KI
 CPA
 PHỔ
 06
 Ô
 :
 H
 RO
 HU

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

7.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty	Quản lý chủ chốt

Giao dịch với bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu tiền cho vay		
Ông Đinh Văn Tạo	19.000.000.000	-

Số dư với bên liên quan

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Cho vay		
Ông Đinh Văn Tạo	-	19.000.000.000
Trả trước người bán		
Ông Đinh Văn Tạo	-	10.000.000.000
Ông Nguyễn Hữu Khá	-	15.200.000.000
Phải thu khác		
Ông Nguyễn Hữu Khá	1.900.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE
 TÊN CÔNG TY
 VIỆT NAM
 AN
 12
 PH
 NG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

7.3 Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	489.446.408	15.431.408.150
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.231.916.561	71.318.543.268
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Tổng cộng	30.721.362.969	86.749.951.418
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	8.738.450.632	10.811.214.579
Chi phí phải trả	-	-
Tổng cộng	8.738.450.632	10.811.214.579

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi có khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thoả thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

Tài sản tài chính	31/12/2019		Cộng VND
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	
Tiền và các khoản tương đương tiền	489.446.408	-	489.446.408
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.231.916.561	-	30.231.916.561
Cộng	30.721.362.969	-	30.721.362.969
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	8.738.450.632	-	8.738.450.632
Cộng	8.738.450.632	-	8.738.450.632
Chênh lệch thanh khoản thuần	21.982.912.337	-	21.982.912.337

7.4 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

7.4 Thông tin khác

Tại ngày 31/12/2019, Công ty thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà, đồng thời thực hiện đầu tư Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang, do đó số liệu đang trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất được tổng hợp từ số liệu trên Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang; Số liệu trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được tổng hợp từ số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà.

Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Vũ Thị Hải Yến

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Thành

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Hữu Khá